

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DNA-CĐVT

Đắk Nông, ngày tháng năm 2025

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ sửa
chữa, bảo dưỡng Máy rải liệu A-
01YH1S002 khu vực A01.

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng Máy rải liệu A-01YH1S002 khu vực A01. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (*theo phụ lục đính kèm*).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 13/06/2025.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo sdt: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Tiến Dũng

Phụ lục 1: Danh mục vật tư phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng Máy rải liệu
A-01YH1S002 khu vực A01.

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bạc trung gian	Bạc trung gian D96x D106x103 vật liệu thép 40X; tôi thấm đạt độ cứng 50÷52 HRC; mài tròn lỗ và ngoài đạt độ nhám Ra= 0,32	Máy rải liệu A-01YH1S002	cái	2	
2	Bạc đồng	D106x D120x103 vật liệu đồng C93200 mài tròn lỗ và ngoài đạt độ nhám Ra= 0,32		cái	2	
3	Nắp bịt	D100x12; vật liệu nhựa		cái	4	
4	Vòng bi	6313 C3		cái	2	
5	Vòng bi	6309-2RS1		cái	2	
6	Vòng bi	6209-2RS1		cái	2	
7	Phốt	45x65x10 HMSA10 RG		cái	2	
8	Vòng bi	22322 EJA/VA405		cái	4	
9	Vòng bi	22219 E		cái	1	
10	Vòng bi	22212 E/C3	Máy rải liệu A-01YH1S002	cái	1	
11	Mô đun điều khiển	6ES7 315-2EH14-0AB0		cái	1	
12	Mô đun mở rộng	6ES7 334-0CE01-0AA0		cái	1	
13	Mô đun DI	6ES7321-1BH02-0AA0		cái	1	
14	Bộ nguồn	ESSENTIAL-PS/1AC/24DC/240W/EE; điện áp đầu vào: 220VAC, điện áp đầu ra: 24VDC/10A, loại gắn ray DIN, có chức năng bảo vệ khi ngắn mạch đầu ra		cái	1	
15	Bộ thu phát Ethernet không dây Mesh	Wireless module - FL WLAN 2100 - 2702535. WLAN access point, client with two internal antennas (MIMO) for single-hole mounting, IP66/IP68, WLAN 802.11 a, b, g, n, frequency: 2.4 GHz, 5 GHz (incl. DFS channels), connections: COMBICON 9 ... 32 V DC, RJ45: for LAN	Máy rải liệu A-01YH1S002	cái	5	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	Bộ chuyển mạch Ethernet	IES618-2F; 6 cổng RJ45, 2 cổng quang, loại gắn ray DIN, nguồn cấp: 24VDC	Máy rải liệu A-01YH1S002	cái	1	
17	Cảm biến tiệm cận	UM30 Kiểu đo siêu âm, ngõ ra PNP, analog 4-20mA, dải đo 30mm...350mm		cái	4	
18	Cáp điện	DVV/Sc-4x1.5 -0,6/1kV		mét	300	
19	Cáp quang	4 lõi, loại multimode		mét	250	
20	Dây nhảy quang	LC-SC 20M Duplex 9/125 OS2 LSZH		sợi	2	
21	Hộp phân phối cáp quang	ODF 4 Fo		cái	1	
22	Băng keo cách điện	5MILx3/4x20Y - màu đen	Máy rải liệu A-01YH1S002	cuộn	11	
23	Mô đun phần mềm	- Phần mềm điều khiển PLC S7-300 cho các tủ điều khiển tại cabinet máy rải liệu, tủ PLC A-01IP0001, tủ điều khiển PLC tại tháp số 1, tủ điều khiển PLC tại tháp số 2; + Kết nối truyền thông với các tủ điều khiển và hiển thị các thông số của các tủ điều khiển đảm bảo hệ thống kết nối ổn định qua mạng cáp quang; + Điều khiển tuyến băng tải với các chế độ đơn động/liên động/tự động theo cảm biến phát hiện quặng, đảm bảo hệ thống hoạt động chính xác theo yêu cầu công nghệ; + Kết nối cảm biến phát hiện liệu trên băng tải nhằm tính toán phân tích chạy băng tải phía sau khi phát hiện liệu. Mục đích đảm bảo tiết kiệm điện năng và giảm thiểu tình trạng hao mòn thiết bị. - Phần mềm giao diện HMI tại các tủ điều khiển: Hiển thị các chế độ vận hành như từ xa, tại		gói	1	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		chỗ, hệ thống chạy dừng, lỗi, sẵn sàng, chế độ chạy đơn động/liên động bằng tải dài và hệ thống băng tải tại khu vực A-01.				
24	Đá mài	Φ100x1.6x6mm		viên	11	
25	Dầu chống gỉ	Rp7; 150g/bình		bình	8	
26	dây rút	3x100mm (100 cái/bịch)		bịch	3	
27	Giấy nhám	230x280mm; độ nhám #100		Tờ	55	
28	Giẻ lau	Cotton; 30x30cm		kg	44,1	
29	Keo gián gioăng	85g/tuýp; màu đỏ	Máy rải liệu A-01YH1S002	tuýp	7	
30	Khí gas thông thường			kg	7	
31	Ô xy thông thường	độ tinh khiết >=99,5% (40 lít/bình)		bình	4	
32	Que hàn	KT-421; 3,2mm		kg	7,7	
33	Sơn cách điện	Sk-03, dạng bình xịt (1 lít/bình)		bình	2	

Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiến độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ:.....											

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.